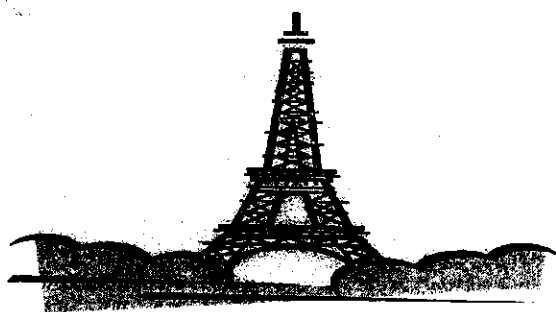


**CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS-F17**

**58B đường Hai Tháng Tư, Vĩnh Hải, Nha Trang**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2010**



**Nha Trang, tháng 7 năm 2010**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

## **TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17**  
Tên giao dịch: **Nha Trang Seaproduct Company**  
Tên viết tắt: **Nha Trang Seafoods**  
Địa chỉ: **58B Đường Hai Tháng Tư, phường Vĩnh Hải,  
Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.**  
Điện thoại: **84 58 3831033/ 3831040 Fax: 84 58 3831034**  
Email: **[ntsf@dng.vnn.vn](mailto:ntsf@dng.vnn.vn)/ [nhatrangseafoods@vnn.vn](mailto:nhatrangseafoods@vnn.vn)**  
Website: **[www.nhatrangseafoods.com.vn](http://www.nhatrangseafoods.com.vn)**

Ngành nghề kinh doanh: Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Chế biến thực phẩm; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng; Xây dựng, kinh doanh địa ốc; Vận tải hàng hoá, hành khách; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư. Khai thác nước khoáng nóng, bùn khoáng. Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước; Sản xuất và kinh doanh nước đá cây.

Vốn điều lệ Công ty (tại thời điểm 31/12/2009): 83.500.000.000 đồng

Công ty có ba nhà máy chế biến thủy sản đặt tại thành phố Nha Trang đã được cấp code DL17, DL90 & DL394 xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, Hàn Quốc; một cửa hàng kinh doanh thủy sản nội địa, một cửa hàng mua bán thiết bị vật tư thủy sản và một nhà hàng Nha Trang Seafoods.

Hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn: HACCP, ISO 9001:2000, BRC, ACC và IFS.

Doanh số xuất khẩu 40 triệu USD với sản lượng 8.000 tấn.

Sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Công ty hiện đã có mặt tại nhiều nước trên thế giới gồm: Mỹ, Châu Âu, Nhật, Úc...

### **I/ Lịch sử hoạt động của Công ty:**

#### **1. Những sự kiện quan trọng:**

##### **a. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 được thành lập vào tháng 8 năm 2004 trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang.

##### **b. Các sự kiện khác:**

Công ty đã vinh dự được nhà nước tặng thưởng:

- Huân chương Lao động hạng Ba vào năm 1981.
- Huân chương Lao động hạng Nhì vào năm 1985.
- Huân chương Lao động hạng Nhì vào năm 1994.



- Huân chương Lao động hạng Nhất vào năm 1996.
- Danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 6 năm liên tục từ năm 2004-2009.

## **2. Quá trình phát triển:**

Từ năm 2004 hoạt động gặp phải nhiều trở ngại khó khăn nhưng bằng trí tuệ sáng tạo, linh hoạt vận dụng và quyết tâm cao toàn Công ty đã không ngừng phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu. Đến nay, Công ty đã có hơn 1.100 lao động với ba nhà máy sản xuất trực thuộc được trang bị công nghệ hiện đại, đã đạt tiêu chuẩn sản xuất xuất khẩu mặt hàng thủy sản đông lạnh cho các thị trường có yêu cầu ngặt nghèo về quy cách và chất lượng như Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc; một nhà hàng Nha Trang Seafoods; một cửa hàng mua bán thiết bị vật tư thủy sản và một cửa hàng kinh doanh thủy sản nội địa.

Công ty đã tạo dựng được uy tín và quan hệ lâu dài với các khách hàng trong và ngoài nước. Khách hàng ổn định và không ngừng tăng lên. Sản phẩm của Công ty luôn làm hài lòng khách hàng Mỹ, Nhật, Châu Âu, Hàn Quốc.. về các yêu cầu số lượng, quy cách và chất lượng.

Mức độ tăng trưởng và lợi nhuận của Công ty luôn đạt vượt mức cao so với kế hoạch. Cụ thể năm 2009 vừa qua, giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Công ty đạt gần 40 triệu USD.

Vốn góp vào các công ty hiện nay:

- Công ty CP thủy sản NTSF: 36 tỷ đồng/45%
- Công ty CP thủy sản NT: 13 tỷ đồng/85,5%
- Công ty CP Nha Trang Seafoods-F89: 16, 436 tỷ/82,2%

Công ty đã xây dựng được 1 đội ngũ cán bộ trưởng thành nhiều về mọi mặt, năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc.

## **3. Định hướng phát triển:**

- \* Hoạt động kinh doanh, chế biến, xuất khẩu thủy sản là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu.
- \* Mở rộng kinh doanh đa ngành nghề.
- \* Phấn đấu đạt chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng cao hơn năm 2009

### **\*Chiến lược phát triển:**

- Phát triển khách hàng, thị trường.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị, kho bảo quản, xây dựng nhà máy sản xuất nước đá cây, cơ sở vật chất văn phòng làm việc tại các nhà máy 17, 90, Kiên Giang, Bạc Liêu.
- Đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy 17 và 90.
- Đầu tư nâng cấp Nhà hàng tại 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang.



- Góp vốn đầu tư xây dựng Bệnh viện Yersin tại 777 Lê Hồng Phong, Nha Trang.
- Góp vốn đầu tư xây mới Khu du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Nha Trang tại xã Vĩnh Ngọc.
- Góp vốn đầu tư Công ty cổ phần địa ốc bất động sản, Công ty cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17

## II/ Báo cáo của Ban điều hành:

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Số TT | Chỉ tiêu                                       | Năm 2007 |         |         | Năm 2008 |         |         | Năm 2009 |         |         |
|-------|------------------------------------------------|----------|---------|---------|----------|---------|---------|----------|---------|---------|
|       |                                                | KH       | TH      | % so KH | KH       | TH      | % so KH | KH       | TH      | % so KH |
| 1     | Doanh thu                                      | 596.856  | 472.460 | 79,16   | 628.336  | 757.439 | 120,55  | 735.235  | 849.248 | 115,51  |
| 2     | Chi phí kinh doanh                             | 566.759  | 436.300 | 76,98   | 592.220  | 693.536 | 117,11  | 692.974  | 726.387 | 104,82  |
| 3     | Lợi nhuận trước thuế                           | 30.097   | 36.160  | 120,14  | 36.116   | 63.903  | 176,94  | 42.261   | 122.861 | 290,72  |
| 4     | Thuế thu nhập doanh nghiệp                     | 2.107    | 2.322   | 110,20  | 2.528    | 4.116   | 162,82  | 2.958    | 10.407  | 351,83  |
| 5     | Lợi nhuận sau thuế                             | 27.990   | 33.838  | 120,89  | 33.588   | 59.787  | 178,00  | 39.303   | 112.454 | 286,12  |
| 6     | Phân chia lợi nhuận sau thuế                   |          |         |         |          |         |         |          |         |         |
|       | Quỹ dự trữ bắt buộc 5%                         | 1.400    | 1.692   | 120,86  | 1.679    | 2.989   | 178,02  | 1.965    | 5.623   | 286,16  |
|       | Quỹ phúc lợi khen thưởng 10%                   | 2.799    | 3.384   | 120,90  | 3.359    | 5.979   | 178,00  | 3.930    | 11.245  | 286,13  |
|       | Quỹ phát triển sản xuất 10%                    | 2.799    | 3.384   | 120,90  | 3.359    | 5.979   | 178,00  | 3.930    | 11.245  | 286,13  |
|       | Lợi nhuận còn lại                              | 20.992   | 25.378  | 120,89  | 25.191   | 44.840  | 178,00  | 29.478   | 84.341  | 286,12  |
| 7     | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ(%) | 33,62    | 40,65   | 120,91  | 40,35    | 71,82   | 177,99  | 47,21    | 135     | 285,96  |
| 8     | Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ (%)              | 25,22    | 30,48   | 120,86  | 30,26    | 53,86   | 177,99  | 35,41    | 101     | 285,23  |

### 2. Tình hình tài sản của Công ty đến 31/12/2009:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Tài sản                                 | Ngày 31/12/2007 |              | Ngày 31/12/2008 |              | Ngày 31/12/2009 |              |
|-----------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|
|                                         | Số tiền         | %            | Số tiền         | %            | Số tiền         | %            |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>              | <b>220.060</b>  | <b>73,26</b> | <b>229.746</b>  | <b>65,33</b> | <b>358.748</b>  | <b>71,73</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền   | 3.541           | 1,18         | 9.014           | 2,56         | 51.903          | 10,38        |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0               | 0,00         | 0               | 0,00         | 0               | 0,00         |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn        | 158.850         | 52,89        | 189.555         | 53,90        | 224.534         | 44,90        |
| IV. Hàng tồn kho                        | 48.394          | 16,11        | 24.359          | 6,93         | 71.157          | 14,23        |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                | 9.275           | 3,09         | 6.818           | 1,94         | 11.154          | 2,23         |



|                                        |                |               |                |               |                |               |
|----------------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>              | <b>80.304</b>  | <b>26,74</b>  | <b>121.907</b> | <b>34,67</b>  | <b>141.357</b> | <b>28,27</b>  |
| I. Các khoản phải thu dài hạn          | 768            | 0,26          | 517            | 0,15          | 379            | 0,08          |
| II. Tài sản cố định                    | 42.292         | 14,08         | 50.003         | 14,22         | 64.429         | 12,88         |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 37.222         | 12,39         | 71.175         | 20,24         | 76.138         | 15,22         |
| V. Tài sản dài hạn khác                | 22             | 0,01          | 212            | 0,06          | 411            | 0,08          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>               | <b>300.364</b> | <b>100,00</b> | <b>351.653</b> | <b>100,00</b> | <b>500.105</b> | <b>100,00</b> |

### 3. Tình hình sử dụng nguồn vốn của công ty:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Nguồn vốn                      | Ngày<br>31/12/2007 |               | Ngày<br>31/12/2008 |               | Ngày<br>31/12/2009 |               |
|--------------------------------|--------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|---------------|
|                                | Số tiền            | %             | Số tiền            | %             | Số tiền            | %             |
| <b>A. Nợ phải trả</b>          | <b>194.874</b>     | <b>64,88</b>  | <b>235.867</b>     | <b>67,07</b>  | <b>304.037</b>     | <b>60,79</b>  |
| I.Nợ ngắn hạn                  | 191.734            | 63,83         | 222.029            | 63,14         | 293.740            | 58,74         |
| II.Nợ dài hạn                  | 3.140              | 1,05          | 13.838             | 3,94          | 10.296             | 2,06          |
| <b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b> | <b>105.490</b>     | <b>35,12</b>  | <b>115.786</b>     | <b>32,93</b>  | <b>196.068</b>     | <b>39,21</b>  |
| I. Vốn chủ sở hữu              | 102.820            | 34,23         | 112.910            | 32,11         | 195.326            | 39,06         |
| II.Nguồn kinh phí, quỹ khác    | 2.670              | 0,89          | 2.876              | 0,82          | 743                | 0,15          |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>     | <b>300.364</b>     | <b>100,00</b> | <b>351.653</b>     | <b>100,00</b> | <b>500.105</b>     | <b>100,00</b> |

\*\* Trong điều kiện nguồn vốn có hạn, Công ty đã tăng hạn mức vay ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư xây dựng cơ bản. Bên cạnh đó Công ty đã tận dụng được nguồn vốn từ lợi nhuận chưa phân phối để đưa vào bổ sung vốn kinh doanh.

### 4. Báo cáo tình hình tài chính:

Các Báo cáo tài chính phản ánh một số chỉ tiêu về khả năng sinh lời và thanh toán như sau:

| Chỉ tiêu                                                 | Đơn vị<br>tính | Năm<br>2007 | Năm<br>2008 | Năm<br>2009 |
|----------------------------------------------------------|----------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>I. Khả năng thanh toán</b>                            |                |             |             |             |
| -Khả năng thanh toán hiện hành                           | lần            | 1,54        | 1,49        | 1,64        |
| -Khả năng thanh toán nhanh                               | lần            | 0,02        | 0,04        | 0,18        |
| <b>II. Tỷ suất sinh lời</b>                              |                |             |             |             |
| <b>1.Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu</b>                     |                |             |             |             |
| -Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu                  | %              | 7,89        | 8,44        | 14,47       |
| -Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu                    | %              | 7,38        | 7,89        | 13,24       |
| <b>2.Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản</b>                  |                |             |             |             |
| -Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản               | %              | 12,04       | 18,17       | 24,57       |
| -Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản                 | %              | 11,27       | 17,00       | 22,49       |
| <b>3.Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu</b> | %              | 32,91       | 51,64       | 57,35       |

**5. Cổ phiếu:**

|                                 |           |
|---------------------------------|-----------|
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: | 8.325.000 |
| Trong đó :                      |           |
| -Cổ phiếu ghi tên:              | 8.325.000 |
| - Cổ phiếu không ghi tên:       | Không     |
| - Cổ phiếu của HĐQT:            | 3.634.425 |
| - Cổ phiếu của Ban Kiểm Soát:   | 42.250    |

**6. Mức chi trả cổ tức:**

| Chỉ tiêu                   | Đơn vị tính | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|----------------------------|-------------|----------|----------|----------|
| Cổ tức đã chia cho cổ đông | %/Vốn       | 30       | 50       | 20       |

**7. Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2009 và phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ:**

Hội đồng Quản trị Công ty dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 10/8 (10 cổ phiếu được chia 8 cổ phiếu) và Phát hành cổ phiếu thưởng lấy nguồn từ Quỹ Đầu tư Phát triển theo tỷ lệ 10/2 (10 cổ phiếu được thưởng 2 cổ phiếu).

**8. Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:**

Hội đồng Quản trị Công ty đề xuất:

- Thù lao của Hội đồng Quản trị: 1% Lợi nhuận sau thuế.
- Thù lao của Ban Kiểm soát: 4.000.000 đ người/năm.

**III/ Kế hoạch hoạt động kinh doanh và quản lý điều hành giai đoạn 2010-2012:****Mục tiêu:**

- \* Hoạt động kinh doanh, chế biến, xuất khẩu thủy sản là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu.
- \* Mở rộng kinh doanh đa ngành nghề.
- \* Phân đầu đạt chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng cao hơn năm 2009.

**1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức :**

| Chỉ tiêu                               | TH năm 2009 | KH năm 2010 |         | KH năm 2011 |         | KH năm 2012 |         |
|----------------------------------------|-------------|-------------|---------|-------------|---------|-------------|---------|
|                                        |             | Giá trị     | So 2009 | Giá trị     | So 2010 | Giá trị     | So 2011 |
| 1. Vốn điều lệ (triệu đồng)            | 83.500      | 167.000     | 200%    | 167.000     | 100%    | 167.000     | 100%    |
| 2. Doanh thu thuần (triệu đồng)        | 841.613     | 926.000     | 110%    | 1.019.000   | 110%    | 1.121.000   | 110%    |
| 3. Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)     | 112.454     | 46.000      | 41%     | 51.000      | 111%    | 56.000      | 110%    |
| 4. Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 13%         | 5%          | 37%     | 5%          | 101%    | 5%          | 100%    |



|                                   |      |     |     |     |      |     |      |
|-----------------------------------|------|-----|-----|-----|------|-----|------|
| 5. Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 135% | 28% | 20% | 31% | 111% | 34% | 110% |
| 6. Tỷ lệ cổ tức                   | 101% | 21% | 20% | 23% | 111% | 25% | 110% |

## 2. Phương hướng thực hiện:

### 2.1. Đầu tư, xây dựng phát triển Công ty:

#### a. Phát triển khách hàng, thị trường:

- Giữ vững thị trường và khách hàng mà Công ty đã tạo được uy tín trong thời gian qua.
- Tăng thị phần các nhà nhập khẩu lớn.
- Tăng số lượng khách hàng, mở rộng thị trường mới bằng nhiều giải pháp.
- Tìm hiểu nhu cầu khách hàng để đa dạng kinh doanh.

#### b. Đầu tư xây dựng:

- Đầu tư thêm máy móc thiết bị, kho bảo quản, xây dựng nhà máy sản xuất nước đá cây, cơ sở vật chất văn phòng làm việc tại các nhà máy 17, 90, Kiên Giang, Bạc Liêu.
- Đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy 17 và 90.
- Đầu tư nâng cấp Nhà hàng tại 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang.
- Góp vốn đầu tư xây dựng Bện viện Yersin tại 777 Lê Hồng Phong, Nha Trang.
- Góp vốn đầu tư xây mới Khu du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Nha Trang tại xã Vĩnh Ngọc.
- Góp vốn đầu tư Công ty cổ phần địa ốc, Công ty cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17

### 2.2. Tài chính và nguồn vốn:

#### a. Nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư từ

- Khấu hao.
- Lợi nhuận để lại.
- Vay ngân hàng.
- Vay ưu đãi: Trong trường hợp vay được từ nguồn ưu đãi thì sẽ giảm lại nguồn vay từ ngân hàng.

#### b. Tài chính:

- Sử dụng đúng đắn, linh hoạt, nhạy bén các nguồn vốn đảm bảo nâng cao hiệu quả vốn, bảo toàn và phát triển vốn.
- Tăng cường quay vòng vốn trong kinh doanh thương mại, hạn chế bị chiếm dụng vốn.



- Quản lý tài chính bằng các phần mềm kế toán phù hợp chuẩn mực kế toán quốc tế để đảm bảo số liệu kế toán chính xác, kiểm soát chặt chẽ toàn bộ chi phí sản xuất, định mức sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.
- Thuê công ty Kiểm toán xác định chính xác tình hình tài chính kết quả hoạt động kinh doanh và số liệu kế toán của doanh nghiệp.

### 2.3. Nhân lực:

Với nhận thức “Con người là nhân tố quyết định sự thành công của một doanh nghiệp”, để có thể đáp ứng kịp thời và đầy đủ yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty và đảm bảo luôn có đội ngũ kế thừa đủ năng lực duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả, Công ty luôn chú trọng công tác hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý; bồi dưỡng; tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động nhằm đảm bảo nguồn nhân lực không ngừng phát triển về mặt số lượng lẫn chất lượng.

### 2.4 Đầu tư tài chính vào các Công ty:

| Số TT | Chi tiêu                                           | Vốn điều lệ            |
|-------|----------------------------------------------------|------------------------|
| 1     | Công ty CP Thủy sản NTSF                           | 150.000.000.000        |
| 2     | Công ty CP Thủy sản NT                             | 15.200.000.000         |
| 3     | Công ty CP Nha Trang Seafoods-F89                  | 20.000.000.000         |
| 4     | Công ty CP DL & Khoáng nóng Nha Trang Seafoods-F17 | 88.000.000.000         |
| 5     | Công ty CP Bệnh viện Yersin                        | 60.000.000.000         |
| 6     | Công ty CP Chẩn đoán và Điều trị                   | 30.000.000.000         |
| 7     | Công ty CP Địa ốc                                  | 80.000.000.000         |
|       |                                                    |                        |
|       |                                                    | <b>443.200.000.000</b> |

Với số vốn điều lệ của Công ty sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ tại đại hội lần này: 166,5 Tỷ thì Công ty chỉ đủ để đầu tư vào các Công ty trên theo tỷ lệ như sau:

| Số TT | Chi tiêu                                           | Tỷ lệ | Vốn đầu tư của Công ty |
|-------|----------------------------------------------------|-------|------------------------|
| 1     | Công ty CP Thủy sản NTSF                           | 24%   | 36.000.000.000         |
| 2     | Công ty CP Thủy sản NT                             | 99%   | 15.000.000.000         |
| 3     | Công ty CP Nha Trang Seafoods-F89                  | 99%   | 19.800.000.000         |
| 4     | Công ty CP DL & Khoáng nóng Nha Trang Seafoods-F17 | 20%   | 17.600.000.000         |
| 5     | Công ty CP Bệnh viện Yersin                        | 35%   | 21.000.000.000         |
| 6     | Công ty CP Chẩn đoán và Điều trị                   | 20%   | 6.000.000.000          |
| 7     | Công ty CP Địa ốc                                  | 20%   | 16.000.000.000         |
|       | <b>Cộng</b>                                        |       | <b>131.400.000.000</b> |

**IV. Báo cáo kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán nội bộ:**

**A. Kiểm toán độc lập:**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Cổ phần Kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán
- Ý kiến kiểm toán độc lập: “Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.”
- Các nhận xét đặc biệt: Không có

**B. Kiểm toán nội bộ:**

**\* Ý kiến kiểm toán nội bộ:**

**1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đã lãnh đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả tốt.

| <b>Lợi nhuận sau thuế<br/>(tỷ đồng)</b> | <b>2007</b> | <b>2008</b> | <b>2009</b> |
|-----------------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Theo kế hoạch                           | 27,990      | 33,588      | 39,303      |
| Thực tế thực hiện được                  | 33,838      | 59,787      | 112,454     |

**2. Về công tác quản lý và bảo toàn vốn:**

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đã quản lý và sử dụng đồng vốn có hiệu quả, không để xảy ra lãng phí hoặc thất thoát vốn. Vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31/12/2009 là: 196.068 tỷ đồng.

**3. Về chất lượng hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:**

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ Công ty, chỉ đạo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, mở ra phương hướng phát triển mới cho Công ty trong tương lai. Chăm lo công tác phát triển con người như tuyển dụng cán bộ, bồi dưỡng nhân tài, quan tâm chăm sóc đời sống cho người lao động.

**4. Xem xét số liệu quyết toán:**

Các báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2007-2009 đã được Công ty Cổ phần Kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán, Ban Kiểm Soát thống nhất với số liệu đã được công ty Kiểm toán xác nhận cũng như số liệu trên báo cáo tài chính của kế toán Công ty lập. Vì vậy Ban kiểm soát không phải lên Biên bản Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty.

- Các nhận xét đặc biệt: Không có

**V. Tổ chức và nhân sự :****1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành/ niêm yết:**

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông của Công ty.
- Hội đồng quản trị: 05 người; Gồm Chủ tịch ; 01 Phó chủ tịch và 03 ủy viên.
- Ban kiểm soát : 03 người; Gồm Trưởng Ban và 02 ủy viên.
- Ban Giám đốc Công ty: 02 người; Gồm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Các phòng ban chức năng, nhà máy, cửa hàng:
  - Các phòng ban chức năng gồm: Phòng Tổ chức-Lao động tiền lương, phòng Tài vụ kế toán, phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu và Trung tâm KCS-Kỹ thuật điện lạnh.
  - Các nhà máy chế biến thủy sản gồm: Nhà máy Chế biến thủy sản F17, F90 và 394.
  - Cửa hàng kinh doanh thủy sản nội địa.
  - Cửa hàng vật tư thủy sản.
  - Nhà hàng Nha Trang Seafoods.

**2. Sự thay đổi các thành viên Ban điều hành và Hội đồng quản trị:**

Không thay đổi.

**3. Số lượng cán bộ, công nhân viên và chính sách đối với người lao động:****a. Đội ngũ cán bộ công nhân viên : (tính đến 31/12/2009):**

Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty đều có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành và có kinh nghiệm nhiều năm trong công tác quản lý trên các lĩnh vực chuyên môn được phân công như: Quản lý chất lượng, quản lý kinh doanh, điều hành sản xuất, quản lý nhân sự. Ngoài ra, Công ty luôn chú ý đến chính sách ưu đãi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đối với các cán bộ quản lý điều hành, mở ra những cơ hội thăng tiến cho người tài để bảo đảm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và lâu dài của Công ty.

**Tổng số lao động Công ty: 1.100 người**

Trong đó:

- |                                 |                                                                                                                                      |
|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Phân theo loại lao động       | 925 lao động trực tiếp chiếm 84% lao động toàn Công ty; 175 lao động gián tiếp chiếm 16 % lao động toàn Công ty.                     |
| - Phân theo trình độ chuyên môn | 02 trên đại học; 97 đại học; 58 cao đẳng và trung cấp; 11 sơ cấp và công nhân kỹ thuật;<br>901 Công nhân có tay nghề đã qua đào tạo. |

**b. Chính sách đối với người lao động:**

Với nhận thức “Con người là nhân tố quyết định sự thành công của một doanh nghiệp”, Công ty luôn xem trọng công tác tuyển dụng và đào tạo lực lượng lao động



nhằm bảo đảm nguồn nhân lực không ngừng phát triển về mặt số lượng lẫn chất lượng để có thể đáp ứng kịp thời và đầy đủ yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Ngoài việc luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách và quyền lợi cho người lao động theo đúng các quy định của pháp luật lao động, Công ty còn áp dụng linh hoạt các chính sách khen thưởng và các chế độ khuyến khích khác để phát huy tính sáng tạo, năng lực làm việc, thúc đẩy nâng cao năng suất lao động trong Công ty, tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động đối với Công ty đặc biệt là các lao động có tay nghề giỏi, có trình độ và có khả năng sinh lợi lớn cho Công ty.

## **VI. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty:**

### **1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

#### **a. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

##### **\* Hội đồng quản trị:**

- Ông Ngô Văn Ích: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Huỳnh Long Quân: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trần Thiện Tâm : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Bà Nguyễn Thùy Liễu: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Bà Đào Thị Minh Hương : Ủy viên Hội đồng quản trị

##### **\* Ban kiểm soát:**

- Ông Phạm Bảo Quốc : Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Phạm Thị Ngọc Thảo : Ủy viên
- Ông Nguyễn Phi Thương : Ủy viên

#### **b. Khả năng thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị:**

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị của Công ty tự đánh giá đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch năm 2009. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty đã đem lại lợi nhuận rất cao so với kế hoạch, đảm bảo lợi tức chi cho cổ đông, thực hiện đúng các chế độ công bố thông tin khách quan, trung thực, chính xác, giữ tốt mối quan hệ với các cổ đông.

#### **c. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần :**

| Họ tên thành viên HĐQT | Chức vụ                    | Xác định đến ngày 31/12/2009 |         |
|------------------------|----------------------------|------------------------------|---------|
|                        |                            | Số lượng CP                  | Tỷ lệ % |
| Ngô Văn Ích            | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 2.497.500                    | 30,0    |
| Huỳnh Long Quân        | Phó chủ tịch Hội đồng QT   | 128.625                      | 1,5     |
| Nguyễn Thùy Liễu       | Ủy viên Hội đồng quản trị  | 143.000                      | 1,7     |



|                    |                           |         |      |
|--------------------|---------------------------|---------|------|
| Đào Thị Minh Hương | Ủy viên Hội đồng quản trị | 832.500 | 10,0 |
| Trần Thiện Tâm     | Ủy viên Hội đồng quản trị | 35.800  | 0,4  |

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông :

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông :

| Cơ cấu cổ đông                       | Xác định đến ngày 31/12/2009 |               |
|--------------------------------------|------------------------------|---------------|
|                                      | Giá trị                      | Tỷ lệ         |
| Cổ đông sở hữu cổ phần từ 1% trở lên | 5.646.217                    | 67,82         |
| Cổ đông sở hữu cổ phần dưới 1%       | 2.678.783                    | 32,18         |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>8.325.000</b>             | <b>100,00</b> |

C.TY CP NHA TRANG SEAFOODS-F17



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Văn Sơn